

Số: 931 /QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 04 tháng 04 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Bộ chỉ số đánh giá, xếp hạng Chuyển đổi số các cấp  
của tỉnh Thừa Thiên Huế**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;*

*Căn cứ Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính  
phủ về phê duyệt “Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định  
hướng đến năm 2030”;*

*Căn cứ Quyết định số 922/QĐ-BTTTT ngày 20/5/2022 của Bộ Thông tin  
và Truyền thông phê duyệt Đề án “Xác định Bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi số  
của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các tỉnh, thành phố  
trực thuộc Trung ương và của quốc gia”(Quyết định 922);*

*Căn cứ Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 12 tháng 11 năm 2021 của Ban  
Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVI về chuyển đổi số tỉnh Thừa Thiên Huế đến  
năm 2025, định hướng đến năm 2030;*

*Căn cứ Chương trình hành động số 120/CTr-UBND ngày 23/3/2022 của  
UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 12/11/2021 của Ban Chấp  
hành Đảng bộ tỉnh khóa XVI về chuyển đổi số tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm  
2025, định hướng đến năm 2030;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số  
607/TTr-STTTT ngày 13 tháng 03 năm 2024.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Bộ chỉ số đánh giá, xếp hạng chuyển đổi số các cấp của tỉnh Thừa Thiên Huế.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2263/QĐ-UBND ngày 27 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Bộ chỉ số đánh giá, xếp hạng chuyển đổi số các cấp của tỉnh Thừa Thiên Huế”.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh, Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố Huế và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 3;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Cục CĐSQG (Bộ TT&TT);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương trên địa bàn;
- Công TTĐT tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Thanh Bình**

**BỘ CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ, XẾP HẠNG CHUYÊN ĐỔI SỐ CÁC CẤP  
CỦA TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 931/QĐ-UBND ngày 04/4/2024  
của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)*

**I. QUY ĐỊNH CHUNG**

**1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng đánh giá**

a) Phạm vi điều chỉnh

Thực vụ theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện chuyển đổi số hằng năm của các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

b) Đối tượng áp dụng

- Cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND tỉnh (gọi chung là cấp Sở, ban, ngành);

- UBND các huyện, thị xã và thành phố Huế (gọi chung là UBND cấp huyện);

- UBND các xã, phường, thị trấn (gọi chung là UBND cấp xã);

- Các cơ quan, tổ chức khác có thể tham khảo sử dụng bộ chỉ số này để đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ quan, tổ chức mình nếu có nhu cầu.

**2. Mục tiêu và yêu cầu**

a) Mục tiêu

Việc xây dựng Bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi số của tỉnh Thừa Thiên Huế (Sau đây gọi tắt trong tiếng Việt là Bộ chỉ số chuyên đổi số của tỉnh, viết tắt trong tiếng Anh là Hue DTI) nhằm theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện chuyển đổi số hằng năm của các đơn vị cấp tỉnh, cấp huyện.

Giúp UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo chuyển đổi số của tỉnh, lãnh đạo các cơ quan, đơn vị kịp thời nắm tình hình để chỉ đạo, đôn đốc, thúc đẩy quá trình chuyển đổi số tại cơ quan, đơn vị, địa phương.

b) Yêu cầu

- Bám sát nội dung chương trình chuyên đổi số của tỉnh và Chương trình Chuyển đổi số Quốc gia.

- Đảm bảo tính khả thi, phù hợp với đặc điểm, điều kiện thực tế của tỉnh và đánh giá thực chất, khách quan kết quả triển khai chuyển đổi số hàng năm của các cơ quan, đơn vị.

- Có tính nhất quán về chu kỳ đánh giá và dữ liệu, số liệu để phục vụ đánh giá; Tăng cường thu thập dữ liệu sẵn có từ các nền tảng do cơ quan nhà nước quản lý để phục vụ đánh giá;

- Có tính mở và được cập nhật, phát triển phù hợp với thực tiễn;

- Hình thành được hệ thống theo dõi, đánh giá đồng bộ, thống nhất, cập nhật liên tục về kết quả triển khai chuyển đổi số của các Sở ban ngành, địa phương trên địa bàn tỉnh. Sử dụng hệ thống phần mềm hỗ trợ thu thập và tính toán DTI để phục vụ cho việc tính toán, cập nhật DTI (sau đây gọi tắt là ứng dụng);

- Đáp ứng tính thực tiễn, khả thi trong áp dụng, triển khai.

## **II. BỘ CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ, XẾP HẠNG CHUYỂN ĐỔI SỐ CÁC CẤP CỦA TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

### **1. Cấu trúc, thang điểm**

a) Bộ chỉ số đánh giá DTI của các Sở, ban, ngành và địa phương:

- Đối với cấp Sở, ban, ngành:

Gồm Thông tin chung (cung cấp các thông tin tổng quan về Sở, ban, ngành nhưng không dùng để đánh giá) và Chỉ số đánh giá gồm 09 chỉ số chính với 34 chỉ số thành phần; thang điểm 391.

- Đối với cấp huyện:

Gồm Thông tin chung (cung cấp các thông tin tổng quan về huyện/ thị xã/ thành phố Huế nhưng không dùng để đánh giá) và Chỉ số đánh giá gồm 9 chỉ số chính với 53 chỉ số thành phần; thang điểm 675.

- Đối với cấp xã:

Gồm Thông tin chung (cung cấp các thông tin tổng quan về huyện/ thị xã/ thành phố Huế nhưng không dùng để đánh giá) và Chỉ số đánh giá gồm 9 chỉ số chính với 50 chỉ số thành phần; thang điểm 645.

Bộ chỉ số đánh giá DTI của các Sở ban ngành và địa phương được thể hiện ở từng cột tương ứng: cấp Sở ban ngành, cột cấp huyện, cấp xã.

Chi tiết Bộ tiêu chí đánh giá, xếp hạng chuyển đổi số (các chỉ số chính, chỉ số thành phần, chỉ số tiểu thành phần, thang điểm (điểm tối đa), hướng dẫn thực hiện, tài liệu kiểm chứng) của các Sở, ban, ngành; cấp huyện và cấp xã trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế được quy định tại Phụ lục tương ứng kèm theo của Quyết định này.

### **2. Phương pháp và trình tự đánh giá**

a) Đơn vị chủ trì Bộ chỉ số đánh giá DTI

- Đối với cấp Sở, ban, ngành và cấp huyện: Sở Thông tin và Truyền thông là đơn vị chủ trì triển khai Bộ chỉ số đánh giá DTI.

- Đối với cấp xã: UBND cấp huyện tương ứng chủ trì triển khai Bộ chỉ số đánh giá DTI.

b) Các cơ quan, đơn vị báo cáo số liệu

- Các cơ quan, đơn vị cập nhật số liệu và tài liệu kiểm chứng theo từng chỉ số vào chức năng Báo cáo chỉ số DTI trên Cổng chuyên đổi số tỉnh <https://dx.thuathienhue.gov.vn>. Các cơ quan, đơn vị theo dõi số liệu, thứ hạng chuyên đổi số trên ứng dụng này.

- Các cơ quan, đơn vị có thể báo cáo số liệu theo thời gian thực sau khi hoàn thành các công việc triển khai theo hướng dẫn thực hiện của từng tiêu chí.

c) Đơn vị chủ trì Bộ chỉ số đánh giá DTI phê duyệt số liệu

*\* Đối với cấp Sở, ban, ngành và địa phương:*

- Đơn vị chủ trì Bộ chỉ số DTI sẽ phê duyệt số liệu báo cáo của các đơn vị gửi lên theo từng chỉ số bằng cách thực hiện rà soát tài liệu kiểm chứng, trên cơ sở tài liệu kiểm chứng, số liệu thống kê từ các hệ thống thông tin liên quan. Hệ thống sẽ tự động tính toán điểm theo từng chỉ số.

- Kết quả đánh giá sẽ được hiển thị trên hệ thống theo từng chỉ số.

- Kết quả đánh giá của các đơn vị được đơn vị chủ trì Bộ chỉ số DTI chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định để xem xét, công nhận hoặc điều chỉnh nếu cần thiết.

- Sau khi có kết quả thẩm định, đơn vị chủ trì Bộ chỉ số DTI tổng hợp, tham mưu cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

c) Trường hợp đặc biệt

Đối với các tiêu chí được cấp có thẩm quyền chấp nhận bằng văn bản cho phép không thực hiện hoặc không có nội dung thực hiện theo quy định không đánh giá các tiêu chí đó đối với cơ quan đơn vị tương ứng.

### **3. Xác định điểm đánh giá**

a) Điểm chỉ số chuyên đổi số của các Sở, ban, ngành và địa phương là điểm tổng của nhóm chỉ số nền tảng chung và nhóm chỉ số về hoạt động.

b) Thang điểm (Tổng điểm tối đa) của Bộ chỉ số chuyên đổi số:

- Cấp sở, ban, ngành là 391 điểm.

- Cấp huyện là 675 điểm.

- Cấp xã là 645 điểm.

c) Điểm số các chỉ số được phép không thực hiện hoặc không có nội dung thực hiện theo quy định = (Tổng số điểm chấm các nhiệm vụ có thực hiện) x 100 / (Tổng số điểm quy định tối đa các nhiệm vụ có thực hiện).

d) Xếp hạng các đơn vị theo thứ tự từ cao đến thấp theo từng nhóm: Cấp sở ban ngành, cấp huyện, cấp xã.

### **III. THỜI GIAN ĐÁNH GIÁ VÀ CÔNG BỐ CHỈ SỐ CHUYỂN ĐỔI SỐ**

#### **1. Thời gian đánh giá**

a) Đối với cấp Sở, ban, ngành và cấp huyện:

Định kỳ hàng năm, các đơn vị thực hiện cung cấp, báo cáo số liệu phục vụ đánh giá theo hướng dẫn của Sở Thông tin và Truyền thông. Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan kiểm tra, thẩm định số liệu; tổng hợp, đánh giá, xếp hạng; trình UBND tỉnh phê duyệt kết quả trong tháng 12 hàng năm.

Niên hạn lấy số liệu: Từ 01/01 đến 15/11 của năm đánh giá.

Thời hạn nhập số liệu: Trước 30/11 của năm đánh giá.

b) Đối với cấp xã: do UBND cấp huyện tương ứng quyết định.

#### **2. Thực hiện đánh giá và công bố kết quả đánh giá, xếp hạng**

a) Đối với cấp Sở, ban, ngành và cấp huyện:

Sau khi có Quyết định của UBND tỉnh phê duyệt kết quả đánh giá, xếp hạng mức độ chuyển đổi số của các Sở, ban, ngành và cấp huyện, Sở Thông tin và Truyền thông công bố kết quả trên Cổng Chuyển đổi số của tỉnh tại địa chỉ: <https://dx.thuathienhue.gov.vn>.

b) Đối với cấp xã: do UBND cấp huyện tương ứng hướng dẫn, đánh giá, xếp hạng.

### **IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

1. Sở Thông tin và Truyền thông xây dựng kinh phí để thực hiện nhiệm vụ, trình Sở Tài chính thẩm định.

2. Sở Tài chính bố trí kinh phí cho việc tổ chức thực hiện việc đánh giá, xếp hạng mức độ Chính quyền số các cấp hàng năm, được dự toán chung vào kinh phí sự nghiệp của Sở Thông tin và Truyền thông.

### **V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **1. Trách nhiệm của Sở Thông tin và Truyền thông**

a) Sở Thông tin và Truyền thông là cơ quan chủ trì tham mưu UBND tỉnh thực hiện đánh giá chuyển đổi số các cấp trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

b) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện tổ chức thực hiện việc đánh giá chuyển đổi số các Sở, ban, ngành, địa phương cấp huyện trên địa bàn tỉnh định kỳ hàng năm; theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra việc triển khai thực hiện; hướng dẫn các đơn vị sử dụng chức năng Báo cáo Bộ chỉ số DTI trên ứng dụng Hue-S và Cổng chuyển đổi số tỉnh <https://dx.thuathienhue.gov.vn>.

c) Phối hợp với Sở Nội vụ đưa kết quả đánh giá các cơ quan, đơn vị, địa phương theo Bộ tiêu chí này vào nội dung xác định trách nhiệm trong thực thi

công vụ của người đứng đầu và đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, bình xét danh hiệu thi đua, khen thưởng hàng năm của các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh.

## **2. Trách nhiệm của Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã**

a) Chỉ đạo thực hiện khảo sát, cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các số liệu báo cáo về chuyển đổi số hàng năm.

b) Phối hợp và tạo điều kiện để Sở Thông tin và Truyền thông tiến hành thẩm tra, xác minh số liệu báo cáo.

c) Chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về kết quả đánh giá, xếp hạng chuyển đổi số của các ngành, địa phương.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương phản ánh về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét giải quyết./.

**Phụ lục**  
**BỘ CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ, XẾP HẠNG CHUYÊN ĐỔI SỐ CÁC CẤP CỦA TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 931/QĐ-UBND ngày 04/4/2024*  
*của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)*

TT	Tiêu chí	Thực hiện	Điều kiện	Tài liệu kiểm chứng	Điểm	Cấp áp dụng		
						Sở	Huyện	Xã
<b>I</b>	<b>Nhận thức số</b>							
1	Ban chỉ đạo chuyên đổi số	Các Sở, ngành, địa phương ban hành quyết định thành lập Ban chỉ đạo chuyên đổi số	Người đứng đầu đơn vị làm trưởng ban chỉ đạo.	Quyết định bằng file điện tử có ký số	5	x	x	x
2	Tổ chức họp Ban chỉ đạo chuyên đổi số định kỳ	Định kỳ Ban chỉ đạo chuyên đổi số tổ chức họp đánh giá kết quả và triển khai kế hoạch nâng có hiệu quả công tác chuyên đổi số của các sở, ngành, địa phương	Tối thiểu một năm triển khai 2 cuộc. Cuộc họp lần cuối cùng phải triển khai trước 15/11 hằng năm. Tổ chức 1 cuộc thi đạt 50% số điểm	Thông báo kết luận bằng file điện tử có ký số	10	x	x	x
3	Công khai thông tin đơn vị	Trang thông tin điện tử các sở, ngành địa phương phải được thường xuyên cập nhật thông tin đơn vị khi có thay đổi về lãnh đạo, cơ cấu tổ chức và chức năng nhiệm vụ .v.v.	Định kỳ 1 năm 1 lần có rà soát nội dung và cập nhật biến động trước 15/11.	Dữ liệu số tự động ghi nhận thời điểm thao tác tại trang thông tin điện tử	5	x	x	x
4	Bản tin hoạt động lãnh đạo đơn vị	Tại các trang thông tin điện tử thường xuyên được cập nhật bản tin hoạt động lãnh đạo đơn vị (Là các hoạt động do lãnh đạo đơn vị chủ trì triển khai)	Tối thiểu 12 tin bài.	Dữ liệu sẽ tự động tổng hợp từ trang thông tin điện tử	24	x	x	x
5	Tin hoạt động đơn vị	Tại các trang thông tin điện tử thường xuyên được cập nhật các chương trình, hoạt động diễn ra trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của ngành, địa phương (Bao gồm các hoạt động do lãnh đạo tham dự nhưng không với vai trò chủ trì).	Tối thiểu 24 tin bài.	Dữ liệu sẽ tự động tổng hợp từ trang thông tin điện tử	24	x	x	x
6	Truyền thông chính sách	Tại Huế-S: Các sở, ngành, địa phương	Tối thiểu 24 tin bài trên nền	Dữ liệu sẽ tự động	24	x	x	x



		thường xuyên cung cấp bản tin truyền thông chính sách thuộc phạm vi sở, ngành, địa phương quản lý.	tăng Hue-S	tổng hợp từ Hue-S				
7	Truyền thông nội bộ	Tại Hue-S: Các sở, ngành, địa phương sử dụng để cung cấp thông tin nội bộ cho công chức, viên chức, người lao động.	Tối thiểu 24 tin bài trên nền tảng Hue-S	Dữ liệu sẽ tự động tổng hợp từ Hue-S	24	x	x	x
8	Phát thanh cơ sở	Tại hệ thống phát thanh cơ sở, các bản tin về chuyển đổi số phải được định kỳ phát để truyền thông trong cộng đồng thông qua “Hệ thống thông tin nguồn”	Tối thiểu 24 bản tin trên hệ thống phát thanh thông minh	Dữ liệu được tổng hợp từ hệ thống thông tin nguồn	24		x	x
9	Tiếp cận thông tin của người dân	Tại Hue-S: Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ và phạm vi quản lý của các sở, ngành, địa phương để biên tập phát đi các bản tin thuộc các nhóm (Thông báo, cảnh báo, bản tin truyền thông .v.v.). Các bản tin sẽ được hiển thị tại chức năng “Truyền thông, cảnh báo” trên Hue-S phục vụ cung cấp thông tin cho người dân	Số lượng bản tin tối thiểu là 5 tin trên 1 năm được xem đủ cơ sở để tính điểm. Điểm được tính trên tỷ lệ người dân trên địa phương đã đọc thông tin (Trạng thái đã đọc tin sẽ được Hue-S ghi nhận)	Dữ liệu được tổng hợp từ Hue-S	20		x	x
10	Tiếp cận thông tin của công chức, viên chức, người lao động	Tỷ lệ công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan, đơn vị đã đọc thông tin từ chức năng “Truyền thông, cảnh báo” trên Hue-S	Tỷ lệ công chức, viên chức, người lao động trong sở, ngành, địa phương đã đọc tin	Dữ liệu được tổng hợp từ Hue-S	10	x	x	x
<b>II</b>	<b>Thế chế số</b>							
1	Ban hành kế hoạch chuyển đổi số hằng năm	Hằng năm các sở, ngành địa phương xây dựng và ban hành kế hoạch chuyển đổi số trên phạm vi của các sở, ngành, địa phương.	Văn bản điện tử được ban hành trong tháng 1 hằng năm sẽ đạt tối đa điểm, sau thời gian trên sẽ đạt 50% số điểm	File điện tử có ký số.	10	x	x	x
2	Văn bản chỉ đạo chuyển đổi số	Các sở, ngành, địa phương kịp thời ban hành các văn bản chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số trên cơ sở các Văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh	Số lượng văn bản chỉ đạo căn cứ vào số lượng văn bản được ban hành của UBND tỉnh	File điện tử có ký số	10	x	x	x
3	Triển khai xếp loại đánh giá chỉ số chuyển đổi số	Sử dụng nền tảng xếp hạng chuyển đổi số của tỉnh. Các huyện, thị xã, thành phố	Triển khai theo nền tảng dùng chung của tỉnh		10		x	

		tiến hành tổ chức vận hành nền tảng và xếp loại đánh giá chỉ số chuyên đổi số tại địa phương						
<b>III</b>	<b>Hạ tầng số</b>							
1	Tỷ lệ công chức, viên chức người lao động sử dụng điện thoại thông minh	Các sở, ngành, địa phương cần rà soát và triển khai các chương trình (kết hợp hoạt động xã hội hóa) nhằm hỗ trợ, khuyến khích công chức, viên chức, người lao động trong các sở, ngành, địa phương sử dụng điện thoại thông minh	Điểm được tính căn cứ trên việc cài đặt Hue-S, có chuẩn hóa tài khoản và phải đăng nhập ứng dụng Hue-S trên số lượng công chức, viên chức, người lao động của các sở, ngành, địa phương.	Dữ liệu tự tổng hợp từ Hue-S	10	x	x	x
2	Tỷ lệ người dân trong độ tuổi trưởng thành sử dụng thiết bị thông minh	Các huyện, thị xã, thành phố, xã, phường, thị trấn triển khai các giải pháp (bao gồm cả phương thức xã hội hóa) nhằm khuyến khích người dân ở độ tuổi trưởng thành sử dụng thiết bị thông minh (điện thoại thông minh hoặc máy tính bảng)	Điểm được tính căn cứ trên việc cài đặt Hue-S, có chuẩn hóa thông tin trên Hue-S (khuyến khích sử dụng theo chế độ đăng nhập) trên số dân trong độ tuổi trưởng thành ở địa phương	Dữ liệu tự động tổng hợp từ Hue-S	30		x	x
3	Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng thiết bị thông minh	Các huyện, thị xã, thành phố, xã phường, thị trấn triển khai các giải pháp (bao gồm cả xã hội hóa) khuyến khích mỗi hộ gia đình có ít nhất một nhân khẩu sử dụng thiết bị thông minh (điện thoại thông minh hoặc máy tính bảng)	Điểm được tính trên cơ sở xác định số lượng nhân khẩu tối thiểu sử dụng thiết bị thông minh trên số hộ gia đình. Có cài đặt Hue-S và được chuẩn hóa thông tin, khuyến khích sử dụng theo chế độ đăng nhập	Dữ liệu tự động tổng hợp từ Hue-S	10		x	x
4	Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối internet cáp quang băng rộng	Các huyện, thị xã, thành phố, xã phường, thị trấn triển khai các giải pháp (bao gồm cả xã hội hóa) nhằm khuyến khích mỗi hộ gia đình lắp đặt kết nối internet băng rộng	Tính theo tỷ lệ hộ gia đình trên địa bàn có lắp đặt sử dụng internet băng rộng	Dữ liệu từ Sở Thông tin và Truyền thông	10		x	x
5	Công chức, viên chức, người lao động sử dụng nền tảng điện toán đám	Công chức, viên chức, người lao động trong các sở, ngành, địa phương sử dụng phương thức lưu trữ tại liệu điện tử trên	Tỷ lệ số dữ liệu phát sinh lưu trữ theo số lượng công chức, viên chức, người lao	Dữ liệu được tự động tổng hợp trên Hue-S	10	x	x	x

	mây	nền tảng điện toán đám mây dùng chung của tỉnh thay thế cho việc lưu trữ tại máy tính hoặc thiết bị ngoại vi khác	động tại các sở, ngành, địa phương có lưu trữ dữ liệu					
6	Sử dụng hạ tầng dùng chung cho các nền tảng số	Các nền tảng số, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các sở, ngành, địa phương chủ động đầu tư phải được cài đặt và vận hành tại hạ tầng dùng chung của tỉnh (Trung tâm Giám sát, điều hành đô thị thông minh) ngoại trừ các nền tảng do các Bộ, ngành, trung ương triển khai theo ngành dọc và một số hệ thống đặc thù của Văn phòng UBND tỉnh.	Điểm được tính theo tỷ lệ các nền tảng số, hệ thống thông tin đang vận hành trên tổng số được cài đặt tại hạ tầng dùng chung của tỉnh. Chỉ số sẽ đưa vào tính nếu không phát sinh	Dữ liệu do IOC đánh giá	10	x	x	x
<b>IV Nhân lực số</b>								
1	Nhân lực chuyên trách, kiêm nhiệm chuyển đổi số, an toàn thông tin	Các sở, ngành, địa phương ban hành văn bản phân công nhân sự chuyên trách, kiêm nhiệm nhiệm vụ chuyển đổi số, an toàn thông tin bao gồm: - Chuyên trách chung cho toàn đơn vị, địa phương. - Kiêm nhiệm nhiệm vụ cho từng phòng, ban chuyên môn, đơn vị trực thuộc	Điểm được tính theo đơn vị và số lượng phòng ban trong đơn vị. Quyết định bằng file điện tử có ký số.	Quyết định bằng file điện tử có ký số	10	x	x	x
2	Tổ công nghệ số cộng đồng đến thôn, bản, tổ dân phố	Các huyện, thị xã, thành phố tổ chức chỉ đạo thành lập tổ công nghệ số cộng đồng theo hướng mỗi thôn tổ sẽ thành lập một tổ công nghệ số cộng đồng	Tính theo số lượng Tổ được thành lập theo số lượng thôn, tổ trên địa bàn.	Quyết định bằng file điện tử có ký số	10		x	x
3	Kiện toàn Tổ công nghệ số cộng đồng	Hàng năm các huyện thị xã, thành phố chỉ đạo rà soát kiện toàn Tổ công nghệ số cộng đồng nhằm đáp ứng nhiệm vụ phù hợp với điều kiện phát triển thực tiễn của chuyển đổi số	Tính theo số lượng được kiện toàn trên số lượng Tổ được thành lập trong năm	Quyết định bằng file điện tử có ký số	10		x	x
4	Nghiệp vụ cho cán bộ chuyên trách, kiêm nhiệm chuyển đổi số, an toàn thông tin	Các sở, ngành, địa phương cử nhân sự chuyên trách, kiêm nhiệm chuyển đổi số tham gia đầy đủ các chương trình tập huấn, hội thảo do UBND tỉnh, Sở Thông	Số lượng tham gia đầy đủ đúng thành phần	Dữ liệu do Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp	10	x	x	x

		tin và Truyền thông tổ chức						
5	Nghiệp vụ cho Tổ Công nghệ số cộng đồng (trực tiếp)	UBND các huyện, thị xã thành phố tổ chức tập huấn cho Tổ Công nghệ số cộng đồng trên cơ sở hướng dẫn của Sở Thông tin và Truyền thông	Tối thiểu 1 năm tổ chức 1 hội nghị tập huấn	Giấy triệu tập bằng văn bản điện tử có ký số và có bản tin trên Trang thông tin điện tử	20		x	x
6	Nghiệp vụ cho Tổ Công nghệ số cộng đồng (trực tuyến)	UBND các huyện, thị xã, thành phố có phương án chỉ đạo các địa phương, Tổ công nghệ số cộng đồng tham gia vào chương trình đào tạo nâng cao nghiệp vụ trực tuyến trên nền tảng Hue-S	Số lượng nhân sự Tổ công nghệ số cộng đồng có tham gia vào chương trình	Dữ liệu được tự động tổng hợp tại Hue-S	20		x	x
7	Kỹ năng số trong cho người dân	Trên cơ sở chương trình đào tạo nâng cao kỹ năng số cho người dân trên Hue-S, các huyện, thị xã, thành phố triển khai các giải pháp nòng cốt là Tổ công nghệ số cộng đồng hướng dẫn người dân tham gia vào chương trình	Tỷ số số người dân đã tham gia học và kiểm tra theo chương trình của tỉnh trên Hue-S	Dữ liệu được tự động tổng hợp từ Hue-S	30		x	x
8	Kỹ năng số cho công chức, viên chức, người lao động	Trên cơ sở chương trình đào tạo trực tuyến nâng cao kỹ năng số cho người dân trên Hue-S, các sở, ngành, địa phương chỉ đạo công chức, viên chức, người lao động truy cập tham gia chương trình.	Tỷ lệ công chức, viên chức, người lao động trong các sở, ngành, địa phương tham gia chương trình	Dữ liệu được tổng hợp từ Hue-S	10	x	x	x
<b>V</b>	<b>An toàn thông tin</b>							
1	Cài đặt phần mềm chống mã độc	Các sở, ngành, địa phương đảm bảo điều kiện thiết bị máy tính phục vụ công vụ đạt cấu hình tối thiểu được hướng dẫn và có cài đặt phần mềm chống mã độc tập trung, dùng chung của tỉnh	Căn cứ và số lượng được cài đặt trên số lượng công chức, viên chức, người lao động trong sở, ngành, địa phương	Dữ liệu được IOC tổng hợp	10	x	x	x
2	Cài đặt phần mềm phòng chống virus	Các sở, ngành, địa phương đảm bảo điều kiện thiết bị máy tính phục vụ công vụ đạt cấu hình tối thiểu được hướng dẫn và có cài đặt phần mềm phòng chống virus tập trung, dùng chung của tỉnh	Căn cứ và số lượng được cài đặt trên số lượng công chức, viên chức, người lao động trong sở, ngành, địa phương	Dữ liệu được IOC tổng hợp	10	x	x	x
3	Tỷ lệ lây nhiễm mã độc,	Các sở, ngành, địa phương chỉ đạo việc	Tỷ lệ lây nhiễm càng nhiều	Dữ liệu được IOC	10	x	x	x

	virus	sử dụng máy tính công vụ đảm bảo theo quy định năm hạn chế việc lây nhiễm mã độc, virus vào các máy tính công vụ	thì số điểm càng thấp	tổng hợp				
4	Tỷ lệ khắc phục nhiễm mã độc, virus	Các sở, ngành, địa phương kịp thời chỉ đạo phòng chống và khắc phục việc lây nhiễm mã độc, virus được phát hiện do Sở Thông tin và Truyền thông thông báo	Điểm được tính theo số lượng được xử lý theo số lượng văn bản do Sở Thông tin và Truyền thông thông báo.	Dữ liệu được IOC tổng hợp	10	x	x	x
<b>VI</b>	<b>Chính quyền số</b>							
1	Tỷ lệ thủ tục hành chính trực tuyến toàn trình	Các Sở, ngành, địa phương chủ động các giải pháp nhằm nâng cao và công bố dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	Điểm được tính trên cơ sở các quyết định công bố. Đơn vị đặc thù không tính tiêu chí này	Dữ liệu tự tổng hợp trên CSDL TTHC của tỉnh	5	x	x	x
2	Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp đăng ký hồ sơ trực tuyến	Các sở, ngành, địa phương triển khai các giải pháp khuyến khích nhằm thúc đẩy người dân đăng ký trực tuyến.	Công nhận trực tuyến nếu hồ sơ được đăng ký từ 3 nguồn sau: Công dịch vụ công quốc gia; Công dịch vụ công tỉnh và Hue-S	Dữ liệu tự động tổng hợp	20	x	x	x
3	Tỷ lệ vi phạm yêu cầu xử lý hồ sơ	Số lần yêu cầu hoàn thiện và chỉnh sửa hồ sơ kèm theo nội dung phải đảm bảo theo quy định	Trung tâm IOC giám sát trực tiếp dữ liệu phát sinh	Dữ liệu tự động tổng hợp	10	x	x	x
4	Nền tảng làm việc số	Các sở, ngành, địa phương tham gia vận hành nền tảng làm việc số dùng chung toàn tỉnh. Tối thiểu vận hành các chức xử lý sau: Phản ánh hiện trường; Tiếp nhận góp ý; Trả lời câu hỏi công dân, tổ chức; Trả lời câu hỏi báo chí; Hộp không giấy tờ; Lưu trữ điện tử trên điện toán đám mây.	Điểm được tính trên cơ sở dữ liệu có phát sinh trên nền tảng	Dữ liệu tự động tổng hợp	10	x	x	x
5	Nền tảng báo cáo số	Các sở, ngành, địa phương sử dụng nền tảng báo cáo số dùng chung để làm căn cứ đánh giá kết quả triển khai trên cơ sở dữ liệu số	Điểm được tính trên cơ sở phát sinh số lượng đăng nhập vào nền tảng	Dữ liệu tự động tổng hợp	10	x	x	x
6	Nền tảng bản đồ số	Mỗi sở, ngành, địa phương phải vận hành	Điểm được tính trên cơ sở	Dữ liệu tự động	10	x	x	x

		tối thiểu một loại hình thức quản lý hiện trạng trên nền tảng bản đồ số dùng chung toàn tỉnh	số lượng dữ liệu có sử dụng	tổng hợp				
7	Tổng ngân sách chi cho chuyển đổi số	UBND các huyện, thị xã, thành phố phân bổ ngân sách chi cho chuyển đổi số	Điểm được tính trên tỷ lệ cho chuyển đổi số	Báo cáo bằng văn bản điện tử có ký số	10		x	
<b>VII Xã hội số</b>								
1	Tài khoản định danh điện tử mức 2	Các sở, ngành địa phương triển khai các giải pháp nhằm phổ cập tài khoản định danh mức 2 cho công chức, viên chức và người lao động, công dân đủ điều kiện cấp CCCD	Yêu cầu đạt tài khoản định danh mức độ 2 áp dụng trên VNeID	Dữ liệu báo cáo từ Công an tỉnh	10	x	x	x
2	Tài khoản thanh toán điện tử	Các sở, ngành, địa phương triển khai các giải pháp nhằm tăng cường tỷ lệ người dân từ 15 tuổi trở lên có sử dụng điện thoại di động thông minh mở tài khoản Ví điện tử trên Hue-S. Khuyến khích công dân có tài khoản ngân hàng khác liên kết với tài khoản ví điện tử	Tài khoản được xác định từ ví điện tử trên Hue-S (Không bắt buộc phải phát sinh thanh toán)	Dữ liệu thống kê từ Hue-S	10	x	x	x
3	Chữ ký số	Các sở, ngành, địa phương triển khai các giải pháp thúc đẩy người dân đăng ký chữ ký số thông qua Hue-S	Dữ liệu được phát sinh hoặc cập nhật trên Hue-S	Dữ liệu thống kê từ Hue-S	10		x	x
4	Chữ ký số công vụ	Các sở, ngành, địa phương triển khai các giải pháp nhằm đảm bảo 100% công chức, viên chức được trang bị chữ ký số công vụ	Dữ liệu được liên kết với Hue-S	Dữ liệu thống kê từ Hue-S	10	x	x	x
5	Địa chỉ số	Các huyện, thị xã, thành phố triển khai giải pháp số hóa địa chỉ số cho các hộ gia đình trên địa bàn tỉnh qua ứng dụng Hue-S	Số hộ gia đình có địa chỉ số trên Hue-S và dữ liệu được xác nhận chính xác	Dữ liệu thống kê từ Hue-S	10		x	x
<b>VIII Kinh tế số</b>								
1	Tỷ lệ cơ sở kinh doanh doanh trên địa bàn có dán mã QR (VietQR) phục vụ	Các huyện, thị xã, thành phố tổ chức các giải pháp phổ cập việc cung cấp mã QR trong các cơ sở kinh doanh	Mã QR được sử dụng chuẩn là mã VietQR	Báo cáo bằng file điện tử có ký số	10		x	x

	cho thanh toán trực tuyến							
2	Tham gia sàn thương mại điện tử	Các huyện, thị xã, thành phố tổ chức các giải pháp nhằm khuyến khích các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh cung cấp hàng hóa lên sàn thương mại điện tử phổ biến thông qua Hue-S	Cung cấp hoặc liên kết thông qua ứng dụng Hue-S	Dữ liệu được tổng hợp từ Hue-S	10		x	x
3	Sản phẩm địa phương có phát sinh giao dịch từ sàn thương mại điện tử	Các huyện, thị xã, thành phố tổ chức truyền thông, khuyến khích tăng trưởng thương mại điện tử trên địa bàn	Dữ liệu ghi nhận sản phẩm trên địa bàn có phát sinh giao dịch	Công cụ thu thập từ Sở Thông tin và Truyền thông	10		x	x
4	Thanh toán không dùng tiền mặt trong công chức, viên chức	Các sở, ngành, địa phương khuyến khích công chức, viên chức, người lao động sử dụng các dịch vụ có trên Hue-S bằng hình thức thanh toán không dùng tiền mặt	Dữ liệu ghi nhận có phát sinh giao dịch trên Hue-S	Dữ liệu tổng hợp từ Hue-S	10	x	x	x
<b>IX Dịch vụ đô thị thông minh</b>								
1	Cung cấp dịch vụ trên Hue-S	Các Sở, ngành đăng ký và phối hợp triển khai tối thiểu 1 dịch vụ có liên quan đến người dân và doanh nghiệp được tích hợp lên Hue-S	Được tích hợp lên Hue-S. Các đơn vị đặc thù không áp dụng tiêu chí này	Dữ liệu tổng hợp từ Hue-S	10	x	x	
2	Thông báo, cảnh báo	Các sở, ngành, địa phương triển khai chức năng thông báo, cảnh báo trên Hue-S đến cho người dân, doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý.	Dữ liệu có phát sinh	Dữ liệu tổng hợp từ Hue-S	10	x	x	x
3	Tương tác với người dân doanh nghiệp và báo chí	Các sở, ngành, địa phương vận hành nền tảng làm việc số để triển khai hiệu quả các công cụ tương tác với người dân, doanh nghiệp và báo chí bao gồm: phản ánh hiện trường; Trả lời câu hỏi của người dân; Trả lời câu hỏi của báo chí	Điểm được tính trên cơ sở tỷ lệ xử lý, trả lời trước hạn và đúng hạn. Các đơn vị không phát sinh sẽ không tính tiêu chí này	Dữ liệu tổng hợp từ Hue-S	10	x	x	x
4	Mức độ hài lòng tương tác với người dân, doanh nghiệp	Các sở, ngành, địa phương triển khai các giải pháp nhằm nâng cao mức độ hài lòng của người dân đối với các dịch vụ tương tác với người dân	Điểm được tính trên cơ sở người dân, doanh nghiệp đánh giá	Dữ liệu tổng hợp từ Hue-S	10	x	x	x
5	Mức độ bức xúc khi tương tác với người dân doanh	Các sở, ngành, địa phương theo dõi kết quả xử lý và cảm nhận bức xúc của người	Điểm được tính trên dữ liệu tương tác của người dân.	Dữ liệu được tổng hợp từ Hue-S	10	x	x	x

	ngiệp	dân đối với các dịch vụ tương tác với người dân và doanh nghiệp khi xử lý vấn đề	Bức xúc càng cao thì điểm càng thấp.					
6	Số hóa du lịch	Các huyện, thị xã, thành phố triển khai giải pháp số hóa các điểm du lịch tích hợp lên ứng dụng du lịch trên Hue-S	Sử dụng công cụ số hóa trên Hue-S	Báo cáo bằng file điện tử có ký số theo mẫu	20		x	x